TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Điều dưỡng**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 20 (2024 - 2028)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **138**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 04 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 04, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**4**			
TA70301	Key English 1(*)	3	45	45	
TA70302	Key English 2(*)	3	45	45	
TA70303	Key English 3(*)	3	45	45	
TA70304	English Speaking Community(*)	2	30	30	
DD70016	Giới thiệu ngành điều dưỡng	1	15	15	
DD70004	Giải phẫu học	2	30	30	
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	
HỌC KỲ 2: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			
CB70301	Tin học 1	2	45	15	30
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	

CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	
CB70101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	
DD70001	Sinh học đại cương và di truyền	2	30	30	
DD70002	Hoá sinh	2	45	15	30
DD70008	Sinh lý học	2	30	30	
DD70010	Điều dưỡng cơ bản I	2	30	30	
DD70005	Thực hành Giải phẫu học	2	60		60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
XN70001	Hóa học	2	45	15	30
DD71061	Hóa hữu cơ - vô cơ	2	30	30	
MT70201	Sức khỏe nghề nghiệp	2	30	30	
HỌC KỲ 3: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**18**			
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	
CB70302	Tin học 2	2	60		60
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và xây dựng mối quan hệ	2	45	15	30
CB71401	Giáo dục thể chất 1 – Bơi (*)	1	30		30
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	
DD70009	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	30	30	
DD70011	Thực hành điều dưỡng cơ bản I	2	60		60
DD70012	Điều dưỡng cơ bản II	2	30	30	

Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71103	Tâm lý học - Y đức	2	30	30	
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	
HỌC KỲ 4: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	
DD70013	Thực hành điều dưỡng cơ bản II	2	60		60
DD70027	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1	2	30	30	
DD70028	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2	2	30	30	
DD70024	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1	2	30	30	
DD70025	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2	2	30	30	
DD70040	Thực hành sơ cấp cứu ban đầu	2	60		60
DD70015	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2	30	30	
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1*	3	45	45	
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2*	2	30	30	
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3*	1	30		30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4*	2	60		60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
DD71017	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	2	30	30	
DD71018	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp	2	30	30	

XN71008	Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm (Điều dưỡng)	2	60		60
CB71402	Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá (*)	1	30		30
CB71403	Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền (*)	1	30		30
CB71404	Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông (*)	1	30		30
HỌC KỲ 5: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 21, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**21**			
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	
DD70026	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	3	90		
DD70029	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	3	90		
DD70032	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	30	30	
DD70038	Chăm sóc sức khỏe, phụ nữ, bà mẹ, gia đình	2	30	30	
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**0**			
CB71408	Giáo dục thể chất 3 – Võ thuật (*)	1	30		30
CB71405	Giáo dục thể chất 3 – Fitness (*)	1	30		30
CB71406	Giáo dục thể chất 3 – Dancesport (*)	1	30		30
CB71407	Giáo dục thể chất 3 – Bóng rổ (*)	1	30		30
HỌC KỲ 6: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 04)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
DD70034	Chăm sóc sức khoẻ tâm thần	2	30	30	

DD70006	Dược lý	2	30	30	
DD70007	Thực hành dược lý	1	30		30
DD70003	Dịch tễ học	2	30	30	
DD70036	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em	2	30	30	
DD70030	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	30	30	
DD70033	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	60		
DD70039	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ, gia đình	2	60		
DD70035	Thực hành bệnh viện Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	30		
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)		**4**			
DD71019	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	15	30
DD71020	Vật lý - Lý sinh	2	30	30	
DD71021	Tiếng Anh chuyên ngành điều dưỡng	2	30	30	
DD71022	Tổ chức y tế và quản lý y tế	2	30	30	
DD71023	Sức khoẻ - Nâng cao sức khoẻ & hành vi con người	2	30	30	
HỌC KỲ 7: 17 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 13, tự chọn: 04)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**13**			
DD70042	Quản lý điều dưỡng	2	30	30	
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	
DD70041	Chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi	2	30	30	
DD70014	Dinh dưỡng và sức khỏe	2	30	30	
DD70037	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khoẻ trẻ em	2	60		
DD70031	Thực hành bệnh viện chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	3	90		

Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 6 học phần)		**4**			
DD71044	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng	2	30	30	
DD71045	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2	30	30	
DD71046	Y học cổ truyền	2	30	30	
DD71047	Thực tập cộng đồng	2	60		
DD71048	Thực hành bệnh viện Y học cổ truyền	2	60		
DD71049	Thực hành bệnh viện chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2	60		
HỌC KỲ 8: 12 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 05, tự chọn: 07)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***5***			
DD70043	Thực tế tốt nghiệp	5	150		
Khóa luận tốt nghiệp		***7***			
DD71050	Khoá luận tốt nghiệp	7	105	105	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***7***			
DD71051	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ Ngoại (mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt)	2	30	30	
DD71052	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ Nội (da liễu, lao, nội thần kinh)	2	30	30	
DD71053	Điều dưỡng phòng mổ	3	90		
DD71054	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao	2	30	30	
DD71055	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực nâng cao	2	30	30	
DD71056	Thực hành bệnh viện chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ Ngoại (mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt)	2	60		
DD71057	Thực hành bệnh viện chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ Nội (da liễu, lao, nội thần kinh)	2	60		

DD71058	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao (phòng mổ - ngoại niệu)	2	60		